TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 398/2023/DS-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai

2. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 317/2023/TLST-DS ngày 07/7/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 522/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1970; địa chỉ: Phường A, quận G , Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thúy H; địa chỉ: V, huyện BThành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền só công chứng M, quyển số 8/2023.TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N chứng nhận ngày 11/8/2023) *(bà H có mặt)*

- *Bị đơn:* *1/* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1970;

2/ Ông **Nguyễn Sỹ H**, sinh năm 1969

Bà T và ông H cùng địa chỉ: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh *(bà T và ông H có đơn xin giải quyết vắng mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Đỗ Thanh P1**, sinh năm 2001; địa chỉ: Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh *(Ông P có đơn xin giải quyết vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các bản tự khai của nguyên đơn, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết bạn bè với bà Phạm Thị T nên bà Trần Thị P có cho bà T vay số tiền tổng cộng là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng như sau:

Lần 1, ngày 22/01/2021 bà P cho bà T vay số tiền là 100.000.000 đồng. Lần 2, ngày 23/02/2021 bà P cho bà T vay số tiền là 100.000.000 đồng. Lần 3, ngày 07/01/2023 bà P cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng được chuyển khoản từ số tài khoản của con trai bà là ông Đỗ Thanh P1 tại ngân hàng N, số tài khoản M đến số tài khoản của bà T tại ngân hàng S, số tài khoản K. Về số tiền này, Bà P xác nhận bà có đưa 50.000.000 đồng cho ông Đỗ Thanh P1 là con trai của bà để chuyển khoản cho bà T mượn. Số tiền này là tiền cá nhân của bà P, không liên quan gì đến con trai bà là ông P1.

Khi vay mượn tiền thì bà T cho biết vay tiền để sửa chữa xe ô tô của gia đình và làm vốn kinh doanh buôn bán, hẹn khi nào bà P cần sẽ trả lại. Sau một thời gian, bà P đã nhiều lần liên hệ để đòi lại số tiền trên nhưng bà T né tránh không trả, sự việc bà T vay tiền của bà P thì chồng của bà T là ông Nguyễn Sỹ H cũng biết. Bà P có đến nhà đòi nhưng ông H không đồng ý trả. Ngày 13/6/2023 bà P có gửi giấy đòi nợ yêu cầu bà T, ông H phải thanh toán số tiền còn nợ 250.000.000 đồng trong vòng 3 ngày kể từ ngày 13/6/2023 đến ngày 16/6/2023. Quá thời hạn trên bà T, ông H vẫn không trả cho bà P số tiền 250.000.000 đồng. Do đó, bà P yêu cầu ông H, bà T phải trả một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà P không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là bà Phạm Thị T trình bày: Bà T xác nhận có vay của bà Trần Thị P số tiền là 250.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất. Sau khi vay tiền vì bà làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ. Bà T xác nhận khoản vay 250.000.000 đồng là khoản nợ riêng của cá nhân bà, chồng bà là ông Nguyễn Sỹ H không biết và không có liên quan gì. Hiện tại bà đang gặp khó khăn về kinh tế lại đang điều trị bệnh, chưa có khả năng trả nợ nên bà đề nghị bà P gia hạn thời gian thanh toán cho đến khi sức khỏe bà ổn định để có thể có điều kiện đi làm trả nợ cho bà P.

Bị đơn là ông Nguyễn Sỹ H trình bày: Ông và bà T là vợ chồng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do UBND xã Th, huyện Th1, tỉnh T3 cấp ngày 12/9/1992. Quá trình chung sống hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân nhiều năm nay. Bà T có kinh doanh sạp trái cây với em gái của bà, bản thân ông chạy xe kiếm sống. Ông và bà T độc lập về mặt tài chính. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông xác định việc bà P cho bà T vay tiền, vay khi nào, vay bao nhiêu ông không biết, không có ý kiến của ông, ông cũng không có ký giấy mượn tiền cũng như không sử dụng số tiền vay trên. Sau khi nhận được thông báo của Tòa án, bà T cũng thừa nhận với ông việc phát sinh khoản nợ là do bà hùn hạp làm ăn thua lỗ, số tiền vay hoàn toàn không dùng để phục vụ nhu cầu của gia đình. Do đó khoản nợ này là nợ riêng của cá nhân bà T nên ông đề nghị Tòa án xem xét không đưa ông vào tham gia tố tụng và giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Đỗ Thanh P1 trình bày: Ngày 7/01/2023 ông có chuyển 50.000.000 đồng cho bà Phạm Thị T. Số tiền này là tiền của mẹ ông là bà Trần Thị P nhờ ông chuyển cho bà T mượn. Số tiền trên không

liên quan gì đến ông mà là tiền của mẹ ông cho bà T mượn nên mẹ ông yêu cầu bà T phải trả lại là phù hợp, ông không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đặng Thị Thúy Htrình bày: Bà P hiện sống độc thân. Bà P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông H và được sử dụng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên cần xác định trách nhiệm liên đới của người chồng là ông Nguyễn Sỹ H đối với khoản nợ được xác lập giữa bà P và bà T. Do đó, căn cứ Điều 27, Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu Tòa án buộc bà T, ông H phải liên đới trả cho bà P số tiền 250.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn là bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Sỹ Hcó đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Đỗ Thanh P1 có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn cho rằng số tiền trên bị đơn vay để sửa xe ô tô của gia đình và làm vốn kinh doanh buôn bán. Bị đơn – bà T, ông H có đơn xin vắng mặt, có bản khai cùng thống nhất số tiền trên là nợ riêng của bà T. Như vậy, không thể chứng minh được số tiền trên được dùng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông H không có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả số nợ trên. Vì vậy, việc bà P yêu cầu ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên cho bà P là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc cá nhân bà T phải trả số nợ gốc cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ cho bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị P có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Sỹ H. Do bị đơn là bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Sỹ H có địa chỉ cư trú tại quận Tân Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa: Do Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu buộc bị đơn – bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Sỹ H phải trả tiền nợ gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giấy vay tiền ngày 22/02/2021 thể hiện nội dung bà P có cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng; tại giấy vay tiền ngày 23/02/2021 thể hiện nội dung bà P cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng. Cả hai giấy trên đều có chữ ký của bà P, bà T, không thể hiện thỏa thuận về tiền lãi và có cam kết khi nào bà P cần thì bà T phải trả lại số tiền trên. Tại nội dung chuyển khoản ngày 7/3/2023 thể hiện con trai của bà P là ông Đỗ Thanh P1 có chuyển khoản từ tài khoản cá nhân của ông P1 đến số tài khoản cá nhân của bà T số tiền 50.000.000 đồng. Bà P và ông P1 đều xác nhận số tiền 50.000.000 đồng mà ông P1 chuyển vào tài khoản của bà T là tiền của bà P cho bà T mượn. Tổng cộng số tiền bà T vay mượn của bà P là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Tại bản trình bày ý kiến ngày 27/7/2023, bà T xác nhận có vay của bà P 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, không thỏa thuận lãi, do làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà T có vay mượn của bà P số tiền là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và chưa trả.

[2.2] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì mục đích bà P cho bà T vay tiền là để sữa chữa xe ô tô của gia đình và làm vốn làm ăn buôn bán nhưng phía bị đơn là bà T và ông H đều xác nhận việc bà T vay tiền của bà P là khoản vay cá nhân của bà T để làm ăn và đã thua lỗ, không dùng tiền vay phục vụ cho nhu cầu gia đình, việc bà T vay tiền của bà P, ông H không biết và không có liên quan gì. Xét thấy, tuy khoản tiền vay nói trên là trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông H nhưng tại các giấy vay tiền 22/02/2021, ngày 23/02/2021 và nội dung chuyển khoản ngày 07/01/2023 đều không ghi mục đích vay tiền và cũng chỉ có một mình bà T ký tên vay tiền. Tại Điều 27 và khoản 2 điều 37 Luật hôn nhân gia đình có quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng trong trường hợp nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tuy nhiên, bà T và ông H đều có bản khai thống nhất cho rằng đây là khoản nợ của cá nhân bà T, không dùng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ngoài lời trình bày ra thì nguyên đơn không có chứng cứ thể hiện khoản vay trên là dùng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình bà T, ông H, cũng không có chứng cứ chứng minh ông H có biết, đồng ý với việc bà T vay tiền của bà P. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là khoản vay mượn nợ của riêng cá nhân bà T, không phải là nợ chung của vợ chồng nên buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho bà P toàn bộ khoản tiền nợ nói trên mà không buộc ông H phải liên đới trả nợ cho bà P. Hai bên không thỏa thuận trả lãi và bà P không yêu cầu tiền lãi nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Xét về thời hạn trả nợ: Việc bà T vay tiền đã lâu nhưng không trả đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P nên việc bà P yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là bà T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, 463, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P:

Buộc bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị P số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Thời hạn và P thức thanh toán: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị P về việc yêu cầu ông Nguyễn Sỹ H phải liên đới chịu trách nhiệm cùng với bà Phạm Thị T trả nợ cho bà Trần Thị P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0023313 ngày 06/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Lê Diễm Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**